

QUAN ĐIỂM CỦA C.MÁC, PH.ĂNGGHEN VỀ QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VỚI TỰ NHIÊN VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI CỦA QUAN ĐIỂM ĐÓ

★ PGS, TS TRẦN SỸ PHÁN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Trên cơ sở phân tích những biểu hiện của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, bài viết rút ra ý nghĩa hiện thời của quan điểm đó đối với vấn đề bảo vệ môi trường sống của con người, trước hết là môi trường tự nhiên và xây dựng mô hình tăng trưởng xanh - chìa khóa, nền tảng của sự phát triển bền vững.

● **Từ khóa:** C.Mác, Ph.Ăngghen, quan hệ giữa con người với tự nhiên.

1 Trong kho tàng lý luận mà C.Mác và Ph.Ăngghen để lại cho chúng ta, quan điểm về quan hệ giữa con người với tự nhiên chiếm vị trí hết sức quan trọng. Cách giải quyết mối quan hệ này cũng là một trong những tiêu chí đánh dấu sự khác nhau giữa C.Mác, Ph.Ăngghen với các nhà triết học thuộc trường phái “duy tự nhiên” hay “duy xã hội”. Điều này được cắt nghĩa bởi mấy lý do chủ yếu sau:

Thứ nhất, nếu như các nhà triết học thuộc trường phái “duy tự nhiên” hay “duy xã hội” chỉ tuyệt đối hóa mặt này hay mặt kia mà không thấy được mối quan hệ biện chứng, không thấy được sự “thâm nhập” lẫn nhau giữa “mặt tự nhiên” với “mặt xã hội” thì C.Mác và Ph.Ăngghen lại cho rằng giữa con người với tự nhiên có mối quan hệ biện chứng với nhau, “thâm nhập” vào nhau, thậm chí là “bộ phận” của nhau. Dựa trên những thành tựu của khoa học tự nhiên, Ph.Ăngghen đã phân tích một cách đầy thuyết phục quá trình

phát sinh và phát triển của thể giới hữu cơ và khẳng định lịch sử loài người chẳng qua chỉ là sự tiếp nối lịch sử tự nhiên.

Theo Ph.Ăngghen, các tài liệu cổ sinh học chỉ cho chúng ta thấy rằng, quá trình hình thành và phát triển con người bắt đầu từ vô số các loài sinh vật nguyên thủy không tế bào và có tế bào. Trong đó một vài loài đã dần dần phân hóa để hình thành những cây cỏ đầu tiên, một số loài khác thì hình thành những động vật đầu tiên. “Từ những động vật đầu tiên đã phát triển - chủ yếu là do sự tiếp tục phân hóa thành vô số những lớp, bộ, họ, giống và loài động vật để rồi sau cùng đi đến cái hình thái mà trong đó hệ thống thần kinh đạt tới trình độ phát triển đầy đủ nhất, tức là hình thức các loài có xương sống, và cuối cùng trong các loài này lại phát triển một loài có xương sống mà trong đó giới tự nhiên đạt tới trình độ tự nhận thức được mình: đó là con người”¹.

Như vậy, sự hình thành và phát triển con người là kết quả tiến hóa lâu dài của thể giới vật chất. Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác viết: "... “Giới tự nhiên... là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế có nghĩa là giới tự nhiên là *thân thể* của con người... con người là một bộ phận của giới tự nhiên”². Không có thân thể vô cơ, không có giới tự nhiên, không có sự giao tiếp này con người không thể hình thành, tồn tại và phát triển được.

Như vậy, “Con người trực tiếp là thực thể tự nhiên”³, “là thực thể tự nhiên, nhục thể”⁴. Điều đó có nghĩa là, con người có những đối tượng hiện thực, cảm tính làm đối tượng của bản chất của mình, của biểu hiện đời sống của mình, hoặc con người chỉ có thể biểu hiện đời sống của mình dựa trên những đối tượng hiện thực, cảm tính. Nói cách khác, con người mà triết học Mác nói đến ở đây là con người hiện thực, con người trực tiếp là thực thể tự nhiên, là thực thể nhục thể bằng xương, bằng thịt mà chúng ta có thể nhận thức nó bằng các cơ quan cảm giác.

Thứ hai, con người tác động trở lại giới tự nhiên, cải biến giới tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu ngày một tăng của mình.

Là sản phẩm của giới tự nhiên nhưng không phải là sản phẩm “thụ động”. Sau khi hình thành và từng bước hoàn thiện, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần, cùng với đó là nhu cầu ngày càng tăng, con người đã từng bước tác động vào giới tự nhiên, cải tạo giới tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng đó của con người.

Ngay trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, khi trình bày những tiền đề xuất phát để nghiên cứu lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa những yếu tố tự nhiên vào để phân tích các vấn đề xã hội, chỉ ra mối quan hệ giữa con người với giới

tự nhiên. Ngoài việc khẳng định con người là một bộ phận của giới tự nhiên, tổ chức cơ thể của những cá nhân con người sống có mối quan hệ mật thiết với phần còn lại của tự nhiên, như điều kiện địa chất, điều kiện địa lý, điều kiện khí hậu và những điều kiện khác, các ông còn khẳng định thêm rằng: “Mọi khoa ghi chép lịch sử đều phải xuất phát từ những cơ sở tự nhiên ấy và *những thay đổi của chúng* (người trích nhấn mạnh) do hoạt động của con người gây ra trong quá trình lịch sử”⁵. Như vậy theo C.Mác và Ph.Ăngghen, con người không chỉ là một bộ phận của giới tự nhiên mà con người còn có khả năng tác động trở lại giới tự nhiên. Chính hoạt động của con người đã làm thay đổi giới tự nhiên chứ không phải một mình giới tự nhiên với tính cách là giới tự nhiên như nó vốn có.

Phê phán “quan niệm tự nhiên chủ nghĩa về lịch sử”⁶ - tức là quan niệm cho rằng chỉ có tự nhiên mới tác động đến con người, chỉ có những điều kiện tự nhiên mới quyết định ở khắp mọi nơi sự phát triển lịch sử của con người v.v.. Ph.Ăngghen nói rằng: “quan niệm ấy là phiến diện, nó quên rằng con người cũng tác động trở lại tự nhiên, cải biến tự nhiên và tạo cho mình những điều kiện sinh tồn mới”⁷. Những điều kiện sinh tồn mới này nhiều khi còn tốt hơn những điều kiện mà tự nhiên mang lại cho con người.

Cũng theo hướng tư duy phê phán, Ph.Ăngghen cho rằng: sai lầm của khoa học tự nhiên cũng như triết học từ trước tới nay chính là chỗ họ đã coi thường ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tư duy của họ. Hai môn ấy một mặt chỉ biết có tự nhiên, mặt khác chỉ biết có tư tưởng. “Nhưng chính việc người ta biến đổi tự nhiên, chứ không phải chỉ một mình giới tự nhiên, với tính cách giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con

người, và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên”⁸. Ở đây Ph.Ăngghen đề cao vai trò hoạt động thực tiễn, vai trò “cải biến” giới tự nhiên của con người mỗi khi giới tự nhiên không thỏa mãn nhu cầu của con người nói chung, nhu cầu nhận thức nói riêng.

Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã chỉ ra sự khác nhau giữa con người với con vật. Sự khác nhau ấy biểu hiện ở chỗ con vật sản xuất một cách phiến diện, nó chỉ sản xuất cái mà bản thân nó hoặc con nó trực tiếp cần đến. Trong khi đó con người sản xuất một cách toàn diện, “sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên”. Sản phẩm của con vật trực tiếp gắn với cơ thể, với kích thước và nhu cầu của loài của nó, còn con người thì đối diện một cách tự do với sản phẩm của mình, con người có thể sản xuất theo kích thước của bất cứ loài nào và ở đâu cũng biết vận dụng bản chất cố hữu của mình vào đối tượng; do đó con người cũng xây dựng theo các quy luật của cái đẹp chứ không phải theo cơ thể, theo kích thước của loài như con vật. “Cho nên chính trong việc cải biến thế giới vật thể, con người lần đầu tiên thực sự khẳng định mình là một *sinh vật có tính loài*”⁹.

Tuy là sản phẩm của giới tự nhiên, nhưng con người không phải chỉ là thực thể tự nhiên thuần túy mà “nó là thực thể tự nhiên có *tính chất người*, nghĩa là thực thể tồn tại cho bản thân mình và do đó là *thực thể loài*. Nó phải biểu hiện và tự khẳng định như là thực thể loài trong tồn tại của nó cũng như trong tri thức của nó”¹⁰. Ở đây, C.Mác muốn khẳng định “tính loài” hay mặt xã hội của con người. Mặt xã hội ấy biểu hiện ở những xúc cảm, tình cảm, ở ham muốn, ở dự vọng - một lực lượng bản chất của con người. Nói cách khác, con người vừa là

thực thể tự nhiên, vừa là thực thể xã hội. Hai mặt đó thống nhất với nhau chứ không phải hòa tan vào nhau.

Tác động vào giới tự nhiên không phải là đặc quyền của con người mà con vật cũng tác động đến giới tự nhiên trong quá trình chúng “sản xuất”. Tất nhiên, sự tác động này là không đáng kể. Chỉ có sự tác động của con người mới có khả năng làm biến đổi giới tự nhiên. Ph.Ăngghen viết: “con kiến, con ong, con hải ly; cả các động vật cũng sản xuất, nhưng tác động sản xuất của chúng vào giới tự nhiên chung quanh hầu như là con số không đối với giới tự nhiên. Chỉ có con người là mới đạt được đến chỗ in cái dấu của mình lên giới tự nhiên”¹¹. Con người có khả năng làm biến đổi cả diện mạo, khí hậu của nơi họ ở, thậm chí còn làm biến đổi cả cây cỏ và các thú vật tới một mức độ mà kết quả của hoạt động của họ chỉ có thể biến mất, khi nào toàn bộ trái đất tiêu vong. Nghĩa là con người và loài người còn tồn tại thì nó còn tác động vào giới tự nhiên, cải biến giới tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của nó.

Khác với sự tác động của loài vật vào giới tự nhiên một cách bản năng, sự tác động của con người là chủ động, có mục đích, nhất là khi: “loài người càng cách xa loài vật thì tác động của con người vào tự nhiên càng mang tính chất của một hoạt động có tính toán trước, có kế hoạch hướng vào những mục đích nhất định, được biết trước”¹². C.Mác cũng từng nói: Giống như người nguyên thủy phải đấu tranh với tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu của họ, để bảo tồn và tái sản xuất ra đời sống của họ, người văn minh cũng bắt buộc phải làm như vậy trong tất cả các hình thái xã hội. Trong quá trình đó, “những người sản xuất liên hợp, điều tiết một cách hợp lý sự trao đổi chất đó của họ với giới

tự nhiên, đặt sự trao đổi chất đó dưới sự kiểm soát chung của họ, chứ không để cho nó thống trị họ như là một lực lượng mù quáng”¹³ giống như đối với các loài động vật. Trong lúc “loài vật chỉ lợi dụng giới tự nhiên bên ngoài và gây ra những biến đổi trong giới tự nhiên, chỉ đơn thuần do sự có mặt của nó thôi; còn con người thì do đã tạo ra những biến đổi đó, mà bắt giới tự nhiên phải phục vụ những mục đích của mình, mà thống trị giới tự nhiên”¹⁴. Hơn nữa nền “kinh tế cướp đoạt”¹⁵ của loài vật - như Ph.Ăngghen nói là đã “phá sạch thực vật trong một vùng nào đó, mà không hiểu gì về việc làm của chúng cả”.

Thứ ba, sự tác động trở lại của giới tự nhiên đối với con người. Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, không chỉ con người tác động vào giới tự nhiên mà giới tự nhiên cũng tác động trở lại con người. Cho dù sự tác động này mang tính chất “tự phát”, “mù quáng” không có sự kiểm soát. Biểu hiện rõ nét nhất của sự tác động này chính là việc giới tự nhiên “trả thù lại” con người khi con người đang hàng ngày, hàng giờ tàn phá môi trường sống của mình theo nhiều cách khác nhau. Từ các công trình xây dựng sai lầm phá vỡ cân bằng sinh thái đến quá trình canh tác trồng trọt; từ việc khai thác nguyên, nhiên liệu hóa thạch đến thói quen sinh hoạt hàng ngày đã và đang làm biến dạng bề mặt trái đất. Cây xanh bị đốn hạ đồng nghĩa với việc nguồn cung cấp ôxi cho con người bị suy giảm; rừng bị bức tử để lấy gỗ và đất đai trồng trọt sẽ phá vỡ sự cân bằng của hệ sinh thái; việc khai thác khoáng sản bằng công nghệ lạc hậu đã tạo ra sự cộng hưởng về phát thải bụi, gây suy giảm môi trường không khí, v.v.. Lòng tham và lối sống của con người đã hủy diệt tất cả, làm cho thiên nhiên “căm giận” và trả thù lại chúng ta. Những trận cuồng phong

như bão Bopha (ngày 4/12/2012) với sức gió 210 km/h mang theo mưa to đã tràn vào vùng ven biển phía Đông đảo Mindanao của Philippines, làm khoảng 1.900 người chết hoặc mất tích; bão Haiyan (ngày 8/11/2013) với sức gió hơn 300 km/h, đã làm hơn 4.200 người chết, 12.500 người bị thương, 1.190 người mất tích và gần 3 triệu người không còn nơi trú ẩn. Ước tính, nền kinh tế Philippines chịu thiệt hại lên đến 14,5 tỷ USD, v.v.. Hiện tượng El Nino diễn ra khiến nhiệt độ nhiều nơi trên trái đất cao kỷ lục, cho đến hiện tượng La Nina khiến con người phải hứng chịu bao nhiêu tổn thất về người và của cải.

Gần 200 năm trước, Ph.Ăngghen đã từng cảnh báo: “Chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó”¹⁶.

Thứ tư, sự thống nhất giữa mặt tự nhiên và mặt xã hội trong con người. Khác với “quan niệm tự nhiên chủ nghĩa về lịch sử” chỉ tuyệt đối mặt tự nhiên của con người mà xem nhẹ mặt xã hội, hay như quan niệm của L.Phoiơbắc cho rằng: “Khi con người mới vừa sinh ra từ giới tự nhiên, chỉ là một sinh vật tự nhiên đơn thuần chứ không phải là người”¹⁷, v.v.. Triết học Mác cho rằng, con người là thực thể sinh vật - xã hội. Trong con người, mặt tự nhiên và mặt xã hội không tồn tại riêng biệt, tách rời nhau mà thống nhất với nhau, thâm nhập vào nhau. Chúng là nguyên nhân, điều kiện tồn tại



Trồng rừng góp phần bảo vệ môi trường _ Ảnh: reatimes.vn

của nhau. C.Mác từng nói: chỉ có trong xã hội, tự nhiên mới biểu hiện ra là *cơ sở* của tồn tại *có tính chất người* của bản thân con người. Chỉ có trong xã hội, tồn tại *tự nhiên* của con người mới là tồn tại *có tính chất người* của con người đối với con người và tự nhiên mới trở thành con người đối với con người. Ngay cả bản chất *con người* của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người *xã hội*; vì chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là một cái *khâu liên hệ con người với con người*, mới là tồn tại của con người đối với người khác và tồn tại của người khác đối với người đó mà thôi¹⁸. Tiếp đó, C.Mác nói thêm: Bản thân lịch sử của con người là một bộ phận *hiện thực* của *lịch sử* tự nhiên, của sự sinh thành của tự nhiên bởi con người. “Về sau khoa học tự nhiên bao hàm trong nó khoa học về con người cũng như khoa học về con người bao hàm trong nó khoa học tự nhiên: đó sẽ là một khoa học”¹⁹. Tinh thần

này về sau được C.Mác và Ph.Ăngghen nhắc lại trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, rằng “có thể chia lịch sử ra thành lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, hai mặt đó không tách rời nhau. Chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử tự nhiên quy định lẫn nhau”²⁰. Nói cách khác, giữa con người và giới tự nhiên có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, thống nhất với nhau, quy định lẫn nhau.

Khi C.Mác nói rằng, “đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên”²¹ là ông muốn chỉ cho chúng ta thấy “thể xác và tinh thần của con người” thuộc về giới tự nhiên. Giữa con người và giới tự nhiên không có bất cứ sự cách biệt nào cả. Con người phải sống trong môi trường tự nhiên, giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp đối với con người, là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động

sinh sống của họ. Con người cần không khí để thở, ánh sáng để nhìn, nước để uống, sản phẩm động vật và thực vật để ăn. Tất cả những cái đó chỉ có thể lấy từ tự nhiên. Không có giới tự nhiên con người không thể hình thành, tồn tại và phát triển được.

Như vậy - theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, “xã hội là sự thống nhất bản chất đã hoàn thành của con người với tự nhiên, sự phục sinh chân chính của tự nhiên, chủ nghĩa tự nhiên đã được thực hiện của con người và chủ nghĩa nhân đạo đã được thực hiện của tự nhiên”²². Hai mặt đó thống nhất chặt chẽ trong con người xã hội - con người với tư cách là thành viên của xã hội.

2. Gần 200 năm đã trôi qua, nhưng quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quan hệ giữa con người với tự nhiên vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời đại của nó. Điều này thể hiện ở:

Một là, vấn đề bảo vệ môi trường sống của con người, trước hết là môi trường tự nhiên. Con người sống trong môi trường tự nhiên và luôn tồn tại trong môi trường xã hội. Mọi sự xáo trộn về môi trường tự nhiên cũng như môi trường xã hội đều tác động trực tiếp đến chất lượng sống của con người. Hiện nay, nhân loại đang phải đối mặt với mối đe dọa từ các hiểm họa môi trường; khi mà lợi nhuận kinh tế được đặt lên hàng đầu, nạn khai thác tài nguyên thiên nhiên thiếu kế hoạch, không bền vững đã trở nên thù địch với sự mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng bất lợi đến cuộc sống con người.

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí đang là những mối đe dọa lớn nhất từ môi trường đối với sức khỏe con người. WHO và coi đây là “kẻ giết người thầm lặng” khi mà 92% dân số thế giới đang sống trong môi trường có chất lượng không khí ở dưới mức tiêu chuẩn của WHO. Mỗi năm có hơn 13 triệu ca tử vong do các

nguyên nhân môi trường, trong đó có 7 triệu ca do ô nhiễm không khí²³.

Việt Nam hiện là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của tình trạng ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu. Ngoài những nguyên nhân mang tính khách quan ra thì nguyên nhân do con người gây ra cũng không hề nhỏ. Đó là hoạt động sản xuất công - nông nghiệp; giao thông vận tải; hoạt động xây dựng hạ tầng; hoạt động quốc phòng v.v.. Đặc biệt là nạn phá rừng, khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách thiếu kế hoạch - nhất là việc khai thác khoáng sản dành cho sản xuất vật liệu xây dựng, nhiên liệu hóa thạch như dầu mỏ, hơi đốt, đá phiến dầu, than bùn, than đá, v.v.. là những nguyên nhân không thể xem thường.

Những năm gần đây, diện tích rừng tự nhiên ở Việt Nam ngày càng giảm nhanh, chất lượng rừng suy thoái nặng nề. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, diện tích rừng bị thiệt hại ước hơn 22.800 ha, trong đó, rừng bị cháy khoảng 13.700 ha, còn lại do bị chặt phá trái phép. Bình quân mỗi năm Việt Nam suy giảm khoảng 2.500 ha rừng²⁴.

Đứng trước thực trạng đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xây dựng hệ thống văn bản nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. “Đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, đẩy lùi tình trạng ô nhiễm, xâm hại môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học”²⁵; Góp phần cùng cộng đồng quốc tế chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh môi trường giảm thiểu các tác động bất lợi từ ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển bền vững.

Hai là, vấn đề tăng trưởng xanh. Ngoài giá trị thời đại về bảo vệ môi trường, quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quan hệ giữa con người với tự nhiên còn có giá trị hết sức to lớn đối với việc xây dựng, phát triển *mô hình tăng trưởng xanh*, một mô hình kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây là chìa khóa, là nền tảng của sự phát triển bền vững.

Có thể khẳng định, tư duy về *tăng trưởng xanh* có khởi nguồn từ việc nhìn nhận mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. Muốn tăng trưởng xanh, muốn phát triển bền vững nhất thiết phải làm tốt công tác bảo vệ môi trường, trước hết là môi trường tự nhiên; phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việt Nam là một trong những quốc gia bị tác động nặng nề bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và nhiều yếu tố tác động từ bên ngoài. Do đó, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng

trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, qua đó tiếp tục khẳng định cam kết quốc tế thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững 2030 và Thỏa thuận Paris năm 2015 về biến đổi khí hậu.

Định hướng chung của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 của Chính phủ Việt Nam (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021) chủ trương: tập trung nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, giảm cường độ phát thải khí nhà kính thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng xanh, bền vững, xây dựng lối sống xanh, đảm bảo quá trình chuyển đổi xanh theo nguyên tắc, bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh ♦

^{1, 6, 7, 8, 11, 12, 14, 15, 16} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tập 20, tr.474-475, 270, 270, 270, 475, 652, 654, 648, 654.

^{2, 3, 4, 9, 10, 18, 19, 21, 22} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 42, tr.135, 232, 232, 137, 234, 170, 179, 135, 170.

^{5, 20} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 3, tr.29, 25.

¹³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 25 (p.II), tr.545.

¹⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 21, tr.422.

²³ <https://backan.gov.vn/pages/who-canh-bao-tinh-trang-o-nhiem-khong-khi-tren-the-gioi-dcf7.aspx>.

²⁴ <http://hoionongdan.org.vn/sitepages/news/1149/121792/moi-nam-nuoc-ta-suy-giam-khoang-2500ha-rung>.

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tập I, tr.154-155.